

Bản án số 52 /2024/HNGĐ -ST
Ngày 12/7/2024
(V/v tranh chấp Ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM ,TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung, bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam : Không tham gia phiên tòa

Ngày 12/7/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, v/v tranh chấp HNGĐ, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1989.(Đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Anh Hồ A C, sinh năm 1990.(Đề nghị vắng mặt)

Cùng cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa , nguyên đơn là chị Lương Thị T trình bày : Chị T và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang năm 2014 . Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau , thường xuyên cãi, đánh nhau; vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ năm 2022 thì vợ chồng ly thân đến nay, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, không lo công việc chung của gia đình. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh C.

Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Hồ Thị Ngọc M , sinh ngày 23/3/2015 và Hồ Thị T1, sinh ngày 06/4/2017, hiện đang sinh sống cùng anh C, phát triển khỏe mạnh:Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn là anh Hồ A C tại bản tự khai trình bày: Chị T và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bắc Giang năm 2014 . Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận,

hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau .Từ năm 2022 thì vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn thì anh **C** đồng ý.

Về con chung: Chị **T** và anh **C** có 02 con chung là **Hồ Thị Ngọc M**, sinh ngày 23/3/2015 và **Hồ Thị T1**, sinh ngày 06/4/2017, hiện đang sinh sống cùng anh **C**, phát triển khỏe mạnh:Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

3.Đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam** không tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về thủ tục tố tụng: Chị **T** và anh **C** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam** không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1].Quan hệ hôn nhân : Chị **T** và anh **C** có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị **T** là có căn cứ giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị **T** và anh **C** trình bày mâu thuẫn do không hợp nhau, hay cãi nhau, vợ chồng hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi.Nay chị **T** yêu cầu ly hôn thì anh **C** đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **T** và anh **C** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần giải quyết cho chị **T** và anh **C** được ly hôn .

[2.2]. Về con chung: Chị **T** và anh **C** có 02 con chung là **Hồ Thị Ngọc M**, sinh ngày 23/3/2015 và **Hồ Thị T1**, sinh ngày 06/4/2017 : Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[3].Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Căn cứ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 , 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 147, 271 và 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lương Thị T** và anh **Hồ A C** được ly hôn.

2.Về con chung: Không giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị **T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008098 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị **T**, anh **C** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa

Nguyễn Xuân C1, Đỗ Thị Hoài M1.

Nguyễn Văn K